

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2026/DS - ST
Ngày: 02 - 02 - 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi

2. Ông Lưu Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2025/TLST-TCDS ngày 27 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXXST-TCDS ngày 24 tháng 12 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-TCDS ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-TCDS ngày 28 tháng 01 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Đ, xã H, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1970 và chị Hoàng Thị T, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: Đ, xã H, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh H, chị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng lời khai của chị Đ tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Do có mối quan hệ quen biết chị có cho vợ chồng anh Hoàng Văn H, chị Hoàng Thị T vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi đưa tiền chị T là người trực tiếp nhận, người ký nhận vào giấy Biên nhận vay tiền do anh H trực tiếp ký với nội dung vay từ ngày

09/3/2020 đến ngày 20/5/2024. Hai bên thống nhất lãi thỏa thuận 15%/tháng. Kể từ khi đưa tiền vợ chồng chị T trả được 01 tháng lãi sau đó chị kêu khó khăn và không trả lãi. Đến hạn gốc chị Đ đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh H chị T trả cả nợ gốc và lãi nhưng vợ chồng anh H chị T không trả, vẫn cứ khát và không thu xếp trả. Để đảm bảo quyền lợi của mình chị Đ đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị T, anh H trả nợ cho chị toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi chị không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Hiện tại vợ chồng chị đang nợ chị Đ số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Hai bên đã thỏa thuận lãi suất và số tiền này chị đã trả mấy lần nhưng không nhớ số tiền đã trả (chị không có tài liệu nộp cho tòa án). Số tiền này vay một lần và hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào con chị sang nước ngoài được vài tháng sẽ trả cho chị Đ. Do điều kiện anh H đang ốm đau không đi làm được; chị không có việc làm ổn định; hoàn cảnh kinh tế khó khăn chưa có để trả nợ ngay cho chị Đ vì vậy chị đề nghị chị Đ cho trả dần mỗi tháng xin không trả lãi.

Lời khai của anh H tại buổi làm việc với tòa án thể hiện: Anh nhất trí với trình bày của chị T, anh xác định hiện vợ chồng anh đang nợ chị Đ số tiền là 30.000.000 đồng. Do anh đang bị bệnh không có để trả được vì vậy anh đề nghị chị Đ cho vợ chồng anh cho trả dần hàng tháng xin không trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ. Buộc chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho chị Đ số tiền 30.000.000 đồng, không phải trả lãi vay. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị T và anh H phải chịu án phí dân sự theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: xã H, tỉnh Ninh Bình. Nay chị Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp

vay tài sản đối với chị Hoàng Thị T và Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự có mặt vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt chị Đ, anh H.

Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ là phù hợp với quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay xác định vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H vay của chị Nguyễn Thị Đ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và có viết giấy biên nhận với nhau còn lãi suất thỏa thuận miệng, thời hạn từ 03/2020 đến tháng 05/2024, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” có thời hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2020 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự chị Nguyễn Thị Đ và vợ chồng chị Hoàng Thị T anh Hoàng Văn H đều thống nhất trên cơ sở là quan hệ quen biết nên chị T anh H có vay của chị Đ tiền thể hiện qua giấy biên nhận đề ngày 09/02/2024 với số tiền là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) đồng. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận chị Đ đòi nhiều lần nhưng chị T anh H không trả.

Xét yêu cầu của chị Đ buộc chị T anh H phải trả lại cho chị số tiền gốc là: 30.000.000 đồng mà chị T anh H đã vay, chị T, anh H xác nhận có nợ số tiền trên, thấy yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Đ không yêu cầu trả lãi, chị T và anh H cũng nhất trí. Xét việc không yêu cầu trả lãi của chị Đ thấy là hoàn toàn tự nguyện nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp.

Bị đơn chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ: Buộc vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H phải trả cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn H phải nộp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo Biên lai số: 0003123 ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND Khu vực 11;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Phong;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích

